

MỘNG - TUYẾT

MỘNG-TUYẾT tên thật là Lâm thái Ưc (lẽ ra tên Ưt vì nữ sĩ có sáu người anh, nên sau này có bút hiệu Thất-tiểu-muội) ; sinh ngày 9 tháng 1 năm 1918 tại làng Mỹ-đức, tỉnh Hà-tiên (tỉnh này hiện nay đổi thành quận lỵ của tỉnh Kiên-giang (Rạch-giá cũ).

Năm 1926, sau khi học hết bậc Sơ-đẳng, nữ sĩ bắt đầu luyện văn ở Trí Đức học xá, (do thi sĩ Đông-Hồ điều khiển), và sáng tác những bài văn nhỏ dưới bút hiệu Thái nữ Mộng-Tuyết, góp lại thành tập Bông hoa đua nở, đăng ở Nam phong tạp chí năm 1930.

Năm 1935, Mộng-Tuyết thường xuyên viết truyện ngắn đăng trên tuần báo Sống (Sài-gòn).

Những năm kế tiếp, nữ sĩ tập làm thơ và gởi dự cuộc thi thơ do Tự lực văn đoàn tổ chức. Tập thơ phần hương rừng được giải khuyến khích năm 1939 (ban Giám-khảo gồm Nhất-Linh, Khái-Hưng, Thẽ-Lữ, Hoàng-Đạo, Thạch-Lam, Tú Mỡ).

Hai thời kỳ này (1935, 1939), là thời kỳ sáng tác phong phú nhất ; nhưng sau đấy, tự kiểm điểm thấy chưa thỏa mãn vì thi hứng quá nghèo nàn, nữ sĩ mới tìm dịch thơ Tây, nhất là những bài thơ trong tập Les fleurs du Mal của Baudelaire. Lại thì có lạ, nhưng thấy xa hờn mình quá, nữ sĩ bèn nghĩ đến lối viết tùy bút.

Năm 1943, cùng với nữ sĩ Vân-Đài, Hằng-Phương, Anh-Thơ in chung một tập thi tuyển Hương xuân do nhà Nguyễn-Du Hà-nội xuất bản.

Sáng tác của Mộng-Tuyết đã đăng trên các báo : Tiểu thuyết thứ năm, Hà-nội báo, Con ong, Đông tây, Trung bắc chủ nhật, Tri tân (Hà-nội), Gió mùa, Ánh sáng, Nhân loại (Sài-gòn) dưới nhiều bút hiệu: Mộng-Tuyết, Hà-tiên cô, Thất-tiểu-muội, Nàng Út, Bách-thảo-sương, Bán-Bán nữ sĩ...

Đã xuất bản :

— Đường vào Hà-tiên (Bốn Phương, Sài-gòn, 1960)

— Nàng ái-cơ trong chậu úp (Bốn Phương, Sài-gòn, 1961)



G I Ó dừng thôi mạnh ! Trăng không sáng làm ! Cảnh vật phải im lìm và mung lung như khung lụa ngà giăng trải khắp không gian !

Phải chăng chúng tôi muốn bày ra khung trời mộng ảo ?

Không, đó là quang cảnh của một vườn thơ ! bản sắc của một tình cảm ! Đặc tính của nữ sĩ Mộng-Tuyết.

Nữ sĩ nói :

« Những ý tưởng cảm nghĩ thường đến với tôi trong lúc tâm hồn hoàn toàn yên tĩnh. Trong những lúc mình thật là của mình, không bị ngoại cảnh chi phối.

Cho nên ở giữa chốn đô thị huyên náo tôi thấy mình nghèo nàn quá ! Khi nào cầm bút phải rúc vào cái vỏ. Phải tự tạo cho mình một cái vỏ hến — không phải là tháp ngà vì tháp ngà không kín bằng vỏ hến — để chui vào, rồi mới sẽ ghi chép.

Có rất nhiều ý tưởng, cảm nghĩ chợt đến; nhưng mình chưa kịp nhốt mình vào vỏ hến để nghiền ngẫm thì nó đã tan mất ngay. Có khi nó còn lảng vảng mãi trong trí. Rất nhiều khi nó thoáng qua rất nhẹ ; một hai khi còn gặp lại. Nhưng mà phần rơi rớt cũng rất nhiều.

Mình chỉ viết cho mình, vì mình không phải nhà văn chuyên nghiệp cho nên đã để trôi qua biết bao nhiêu tình ý vì không cố công đuổi bắt nó, một khi nó lảng vảng đến với mình.

Chỉ ghi lại được những gì đã chín muồi như trái cây non sắp sắp rụng ; không biết dùng móc bực mà hái, không biết dùng chậu vớt mà hứng thì e nó chui tuột hết xuống đất. Cảm hứng cũng mong manh, nhất tiếng động và lẫn trồn như quả non sắp... »

(Trích lời Mộng-Tuyết trong
Vũ thi sĩ hiện đại của Bằng bá Lân)

Trên đây là lời thổ lộ « một vài cảm nghĩ về sáng tác » của nữ sĩ ; nó mong manh và khó thu hoạch như quả non sắp. Một cử động mạnh có thể làm tan biến ngay luồng tư tưởng, nên mỗi lần sáng tác, nhà thơ phải tự tạo một chiếc « vỏ hến » để ẩn mình cách biệt với thế giới bên ngoài.

Bản chất sáng tạo của Mộng-Tuyết đòi hỏi thế đấy. Chúng ta không thể bước đến ngưỡng cửa tâm hồn của thi nhân bằng tiếng khua động nào, mà phải nhẹ gót chân, đứng làm kinh động, phải triệt để tôn trọng sự im lặng, cái tịch mịch trang nghiêm. Giữa sự quay cuồng ăm ỉ của bánh xe cơ khí, sự giục giã của cuộc sống, cần phải tìm chỗ trú ẩn cho hồn thơ.

Nữ sĩ còn cho biết cái « vỏ hến » không phải phải là tháp ngà ; nó là lớp vỏ bảo vệ nguồn thơ, nơi gởi gắm những gì thơ mộng ; và nó chỉ đẹp khi nào những mơ mộng ấy còn nhốt trong đôi gương chưa bị đời phá vỡ.

Quay ngược dòng thời gian, tìm gặp hình ảnh nữ sĩ thấp thoáng trong khuê phòng, nơi chứa đựng tâm hồn những trang giai nhân là lướt, mơ mộng, giàu tình cảm, đang nép mình trong lễ giáo nho phong.

Nữ sĩ lại nói với chúng ta :

« Người viết đã dọn mình mà viết, người đọc sao không dọn mình mà đọc, dẫu rằng người đọc không cùng quan điểm với người viết nữa.

Chiếc vòng ngọc thạch rộng, hoặc chật, không vừa cõ tay mình, nhưng nó vừa vặn ở cổ tay người khác, thì mình dẫu

không đeo nó, mình cũng phải thường thức đứng với cái đẹp của nó ở cổ tay giai nhân không phải là mình. »

Mang một sắc thái nhỏ phong, sinh trưởng nơi nhiều cảnh đẹp mà nữ sĩ thường gọi là « hồ thơ núi mộng », hẳn nữ sĩ là con người đa cảm đa tình. Nhưng đa tình mà không để cho tình làm hoen ố những ý tưởng thanh cao, đa cảm mà không để giác quan tràn ra ngoài thể chất.

Lá khô reo ! Mây chiều động sắc ! Tâm tình thì mênh mang nhưng cánh chim không vượt ra ngoài khung trời dài các.

Bầu trời thơ của thi nhân không rộng, nhưng thay vào đây, thi nhân đã sống trong những trang sách huy hoàng rực rỡ — cõi mộng của người thơ. Cái đẹp ấy, tâm hồn ấy đã đúc thành tiếng thơ thâm kín trong lòng Mộng-Tuyệt. Tuy nhiên, là khách đa tình đa cảm, lòng xuân dầu ẩm ỉ, cũng có lúc chỗi dậy mơ kiếp con tâm, để rồi vương phải dây tơ.

Anh ơi ! Em muốn làm thi sĩ

Vui lòng anh dạy em làm thơ

Nững nịu với người yêu, bắt người yêu dạy làm thơ quả là một tình yêu nồng nàn trong thú phong lưu. Nhưng ngộ nghĩnh hơn, nàng lại muốn làm thơ để trả thù người mình yêu :

Nhưng không, em muốn học làm thơ

Đề trả thù anh đã hững hờ :

Rồi phút say sưa anh có lại

Hôn em... Em sẽ ày anh ra.

và nàng nêu lý do sự trả thù của mình :

Bấy giờ em cũng bảo anh rằng :

« Em bận làm thơ » anh nhớ chăng ?

Hôm nọ bên anh, em nững nịu

Lạnh lùng anh cứ mãi nhìn trăng.

Chúng tôi còn nhớ đạo nào, cô Minh-Thu cũng có làm một bài thơ vừa trách vừa ghẹo một chàng thi sĩ, người yêu nàng :

Này này nhà... thi sĩ

Ngẩng vừng trán kia lên :

Phải chăng em điểm lệ ?

Em có thiếu chi duyên !

Thì ra tâm trạng của các cô gái có người tình là thi sĩ thường muốn cợt lẫy như thế ư ? Hay các nữ sĩ đã khéo dùng duyên thơ để trêu duyên thăm ?

Mỗi tình đầu bao giờ cũng đẹp ! Còn cảnh ầu yếm nào khi nàng điểm trang, chẳng ngấm làn tóc huyền phản sắc với màu da trắng mịn, buông lòa xòa trên vừng trán. Các vua chúa thời xưa cũng có lắm kẻ biết thưởng thức cảnh thơ mộng này :

Hờ hững em đưa chiếc lược ngà

Chài đôi mái tóc rủ lòa xòa.

Bên em lặng lẽ ngồi anh ngắm

Màu tóc huyền em phản sắc da.

Từng làn tóc mây phất phơ trước khuôn nguyệt như một vẻ đẹp đang biến hình ; chợt nhận ra nét mỹ miều khả ái khi « mây cái tóc mai vờn trước trán », chàng vội giữ tay nàng để khỏi xóa đi một bức tranh sống động :

Bỗng đưa tay giữ cánh tay em :

— Em hãy ngừng cho anh ngắm xem

Mấy cái tóc mai vờn trước trán

Cho vừng trán đẹp, đẹp hơn thêm.

Nhưng sá gì vẻ đẹp tầm thường ấy ; nàng còn hứa hẹn nhiều nét điểm lệ hơn. Thật là ái tình chứa đựng muôn nghìn sắc diện. Đây ta hãy xem ái tình phổ bày màu thăm :

Nững nịu giằng tay, em bảo : « Thôi !

Cho em soi kính rẽ đường ngói

Làm cô gái Huế cho anh ngắm

Tình tứ nhiều hơn mơn tóc mai.

Nhưng, những cô gái khuê môn mặc dù tình yêu tha thiết, cảm giác nồng nàn đến đâu cũng không sao côi họ được

tính bền lên khi bị phơi bày những gì cần được che giấu. Đó cũng là điều mà tao nhân mặc khách lấy làm thú vị trong yêu đương.

Nữ sĩ đã ghi lại những cảm giác của cô gái dài trang qua bài thơ *Em xấu hổ* :

*Nhớ chuyện đêm qua còn thẹn thùng
Mặt hồ phẳng lặng ánh trăng trong.
Bóng trắng cùng với em đang tắm
Làn nước vờn da em lạnh lùng.*

Một giai nhân tắm chung với bóng trăng trong hồ, còn gì đẹp để và thơ mộng cho bằng. Cũng cảnh trí thế này đã giúp bao đề tài cho thi nhân lưu lại trong văn thơ nhiều nét đẹp nghìn đời.

Nguyễn Du đã ghi đậm nét, huyền diệu và thơ mộng hơn :

*Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.
(Kiêu)*

Chàng thi ít được may mắn, vì tự mình đã làm tan vẻ đẹp bởi tiếng hát véo von vô ý thức :

*Giấu trúc bờ bên gió phất phơ
Bỗng nghe tiếng hát văng bay qua
Giật mình ngơ ngác nhìn... Em thấy
Sau trúc, trời ơi ! Anh bước ra !*

Có lẽ đây là lần đầu tiên lộ liễu tấm thân ngọc ngà trước cặp mắt khác giống. Nàng đã có phản ứng tự nhiên của người « em xấu hổ ». Nàng tuy kịp thời dựng lên bức tường thành phòng vệ mà tim lòng vẫn chưa hết thẹn thùng :

*Quàng vội khăn bông em chạy vào
Ngàn ngơ anh hỏi :
— Đã làm sao ?
— Không làm sao cả nhưng em thấy
Thẹn thẹn lòng em nó thế nào.*

Đây, cái duyên dáng chứa đựng trong thơ *Mộng-Tuyết* bằng những nét trinh bạch, ngây thơ của cô gái trăm anh thời xưa. Cô gái ấy hay thẹn thùng, bền lên. Sợ sệt khi va chạm với yêu đương ; nhưng khi thiếu ái tình thì lại hờn dỗi, trách móc. Và chan chứa trong tình cảm một khát khao mãnh liệt :

*Mây vờn thơ đợi gió
Lòng xuân thăm dò
Lòng thuyền nho nhỏ
Đợi nước triều lên...
Triều đã lên rồi, trăng cũng lên.
Trăng lên rồi đó. Gió chưa lên.*

Một khung trời bày sẵn như lòng thiết tha chờ đợi của giai nhân. Nước triều lai láng, trăng sáng lung linh, con thuyền đã sẵn sàng tách bến. Chỉ còn chờ cơn gió lòng là buông lái ra khơi cho thỏa mộng thuyền ước ao băng mình trên muôn nghìn ngợp sóng yêu đương để lướt về bến bờ ân ái. Thế mà, vì sự trễ tràng của gió đã khiến lòng xuân nôn nả và có ý trách hờn :

*Khi xuân thăm đượm khắp nơi nơi,
Vạn vật đem xuân trả lại Đời,
Mà chẳng trả cho thuyền tí gió,
Đề thuyền thương nhớ những phương trời.*

Mỏi mòn chờ đợi. Lòng thiếu nữ buồn ; không phải cái buồn của ray rứt, khổ đau, mà là cái buồn của sự luyến tiếc xuân hồng đành ôm mộng mãi chờ nơi bến cũ :

*Cắm sào bến cũ buồn lơ lửng
Chờ mộng muôn phương, mộng viễn trình.*

Ước mơ, khát vọng không thành, lòng giai nhân se thắt ; cảm giác từ từ khép lại trong tiếng thở dài.

Khác với tâm hồn lãng mạn, người khuê nữ mặc dù tình xuân rạo rực đến đâu cũng cố nhốt mình trong dài gương, lấy tiết ngọc giá trong làm vinh dự đối với kẻ chung tình :

*Bên đường qua lại bao nhiêu khách
 Riêng bề cảnh xuân đưa tặng nhau
 Sung sướng Giang-nam chàng phối ngựa
 Tháng ngày bóng liễu rủ tơ sầu.*

Những từ ngữ «bề liễu bên đường», «tơ sầu giăng bóng» biểu hiện sự chung thủy và chờ đợi nhớ mong, tuy có xưa, song rất quan hệ đối với tiếng thơ Mộng-Tuyết khi phải khai thác nỗi lòng khuê phụ.

Trong khung cảnh ấy, chúng ta mới thường thức được những nét u hoài, độc đáo của những nàng con gái khuê môn, yêu đời nhưng sợ tâm tiếng. Cái dáng dấp đoan trang, nghiêm chỉnh ấy chính là chiếc lồng để giai nhân áp ủ niềm tương tư, mộng ước mà không lúc nào được thỏa mãn :

*Có nghĩa gì đâu một bức thư ?
 Cho lòng nhẹ vơi nỗi tương tư.
 Nhưng rồi lại thấy tương tư nữa,
 Một bức thư sau vẫn đợi chờ !
 (Bức thư tương tư)*

hoặc :

*Trăng ngập đường đi. Thuở ấy.
 Đôi người so bóng bước song song
 Rồi trăng từ đó tương tư bóng
 Chảy ngập tương tư khắp nẻo lòng.
 (Bóng trăng tương tư)*



Đã yêu rồi, mỗi bức thư là một nguồn an ủi, mỗi tờ mây là một nhịp cầu mờ lối tương tư. Ai đã từng yêu hẳn không chối cãi : «Càng nhận nhiều càng thấy thiếu thốn nhiều hơn.» Nữ sĩ Mộng-Tuyết đã tiết lộ sự kỳ quặc của ái tình.

Nếu chúng ta thấy có những cô gái sở sàng trêu ong, ghẹo bướm, xem ái tình như trò đùa bốn đến độ sống sượng, lỗ lã, tại sao chúng ta không thấy cái đẹp kín đáo, thùy mị trong tâm hồn người xưa.

Gởi sầu muộn theo một chiếc lá rơi, nhìn dòng sông đề phôi pha thương nhớ... Vũ trụ chứa đựng biết bao tình tứ đối với khách đa cảm đa tình. Tại sao chúng ta không chia vui, gởi buồn cùng vũ trụ được. Hòa lẫn cái ta vào vạn vật mới là kẻ biết sống trong tinh thần, nâng cao sự trong sạch, cái tốt đẹp của con người, không để vật chất làm hoen ố.

Dưới ngòi bút Mộng-Tuyết, chúng ta mới thấy tâm hồn của người đàn bà thời xưa trong tình sử còn sót lại.

Người thơ ngồi trên bờ hồ nhìn đưa bé ngật mấy chiếc lá làm thuyền ném xuống dòng nước, băng khuâng nhớ đến hai câu cổ thi :

*Tặng văn điệp thương đề hồng oán
 Điệp thương đề thi ký dư thủy.
 (Nghe trên lá đỏ đề thơ oán
 Lá đỏ đề thơ biêt gởi ai ?)*

Một chiếc lá cũng gợi được lòng tương tư của thi nhân và cũng chỉ cần một chiếc lá, thi nhân đã gởi lòng tương tư của mình qua dòng nước. Thi nhân không tìm được lá đỏ như người xưa, nên đề thơ trên lá xanh :

*Còn nhớ nghìn năm Tàu thuở trước
 Đề thơ trên lá đỏ tương tư.
 Sáng nay muốn gởi thơ theo lá,
 Đợi mãi ! Thu về, chẳng lá khô.
 Xanh hay hồng, lá vẫn đa tình ;
 Nhưng, không phải lá trôi dòng Ngự,
 Lá chẳng hồng nên chẳng mối manh.*

Nhưng cảnh sống êm đềm, mơ mộng của người khuê phụ không miên viễn với thời gian ; đất nước bỗng phủ mờ màu chinh chiến :

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
 Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên
 (Chinh phụ ngâm khúc)*

Chúng ta hãy mượn hai câu thơ mở đầu trong *Chinh phụ ngâm khúc* để nói lên tình cảm của thi nhân lúc bấy giờ.

Nữ sĩ không làm khách chinh phụ, song không tự đặt mình ra ngoài lề cuộc điện, hay dọn sẵn lòng mình một chỗ nằm yên trong những trang tình sử xa xưa được. Nữ sĩ đã để tâm hồn rung động trước nguy vong của dân tộc.

Năm Ất-dậu (1945), người dân miền Bắc nước Việt-nam ta chết đói hơn hai triệu người vì Nhật, Pháp tranh nhau cướp lúa dân lành chở đi nơi khác nuôi dưỡng chiến tranh và dùng đốt than chạy máy. Thảm họa ấy gieo vào đầu người dân quê đến nỗi trong nhà hết sạch thức ăn mà ngoài đồng lúa còn xanh mơn mẫm. Nạn đói hoành hành, mo cau, củ chuối ... cũng không còn sót lại để kẻ đói cầm hơi. Và đến lúc giáp hạt là lúc dân quê chết đói nhiều nhất vì đã quá mòn hơi kiệt sức. Những người cuối cùng đã ngã gục giữa khi lúa bắt đầu vào mảy, để rồi sau đó lúa chín đầy đồng mà không người gặt hái.

Nữ sĩ xúc động trước cảnh thương tâm ấy, đã viết mười bài thơ cứu đói, lấy tựa là *Mười khúc đoạn trường*, gom thành một tập, do Đồng-Hồ trình bày và giới thiệu bằng mấy vần thơ sau :

*Mười khúc đoạn trường thơ cứu đói
Bốn phương tri kỷ gió đưa duyên
Non sông cổ quốc lòng đang rện
Son phấn tài hoa nợ chưa đền.
Mãi mực viết nên thơ thống thiết
Đề thơ đem bán chợ văn chương
Thử nhìn trên những tờ hoa gấm
Mong đợi cho cân giá ngọc vàng.*
(Đồng-Hồ)

Có người bình phẩm thơ cứu đói của Mộng-Tuyết có những chỗ không xác thực. Chúng tôi cũng nhìn nhận điều đó, nhưng không với quan niệm khắt khe.

Nữ sĩ Mộng-Tuyết ở miền Nam, nạn đói xảy ra nơi miền Bắc, tin tức không đầy đủ nên không thấu đáo thực trạng. Đem tình cảm đau xót của một đơn vị dân tộc đặt trước nguy nan của một khối dân tộc, tình cảm ấy cũng đã nói lên một giá trị nào rồi. Chúng ta không nên đòi hỏi ở nữ sĩ quá nhiều.

Chúng tôi xin trích ra đây vài đoạn «thơ cứu đói» của nữ sĩ :

*Khép lòng vui lại để lo âu
Đói khát bao nhiêu nỗi thâm sâu
Trời đất chưa tan màu khói lửa
Anh em đang gặp cảnh đau thương.
Máu mù tình kia đã bảo ta
Đưa tay nâng đỡ chị em nhà
Giống nòi chưa chết, lòng chưa chết
Non nước hồn vang tiếng thiết tha.*
(Tin miền Bắc)

*Trạm Bắc đưa về tin xót xa
Lạng thang thể thảm kẻ không nhà
Đồng quê khôn khó tìm ra chợ
Bỗng bẽ con thơ đất dẫu già.*
(Những linh hồn bơ vơ)

*Xót lòng máu mù cơn nguy biến
Xẻ cháo nhường cơm, ai hơi ai.*
(Xẻ cháo nhường cơm)

*Xác người xe nhật mỗi ban mai
Còn bao nhiêu nữa trong quần quai
Hấp hối chờ cơm, hơi mồn hơi !*

Trong lúc còn đau đớn bởi nạn đói năm Ất-dậu, nữ sĩ lại can: kích trước phong trào năm 1945 dân chúng cùng đứng lên chống thực dân Pháp và phát-xít Nhật để giành lại độc lập :

*Đất nước từ khi dấy lửa binh
Hồi tanh vẫn đục bụi kinh thành
Thơm tho đâu nữa làn son phấn
Mấy độ hoa Quỳnh khép Ý tình.*

Nói chung, ngoài thi bản *Vì anh Thọ-Xuân* là bài thơ khéo, hàm súc ý nghĩa, bản sắc tiếng thơ Mộng-Tuyết nổi bật ở giai đoạn đầu của đời thơ. Những bài *Cổ quái Huế*, *Em*

bị cười, Em trả thù cho ta thấy cái duyên dáng, ngây thơ được phô bày tể nhị tâm tình muôn thuở của những cô gái đang dậy mùa Xuân. Lòng họ rạo rức nhưng vẫn còn e lệ khép nép trong chiếc áo nguyên trinh khiến vẻ đẹp của họ càng lộng lẫy. Thậm chí cái lòng « trả thù » của họ cũng khá ái, cho nên kẻ bị trả thù đã không căm hận mà còn tỏ ra yêu thích :

— Nhưng không; em muốn học làm thơ
Đề trả thù anh đã hững hờ ;
Rồi phút say sưa anh có lại
Hôn em. . . Em sẽ ãy anh ra.

Nhưng ta phải nhận chân bài *Đợi gió* mới là tiêu biểu nhất tâm hồn của Mộng-Tuyết ; nó chứa đựng cái lãng mạn kín đáo, cái chắc chắn của tâm hồn, và được điểm nhẹ những đường nét xưa cũ đã thấm nhuần tinh thần Đông-phương như nét phóng họa trong bức tranh thủy mặc của Tàu.

Đó là những gì đã làm sống Mộng-Tuyết trong văn thơ hiện đại.

(25 - 7 - 1968)



Thi tuyển

Làm cô gái Huế

Hờ hững, em đưa chiếc lược ngà
Chải đôi mái tóc rừ lò-xà.
Bên em, lặng lẽ ngồi anh ngắm
Màu tóc huyền em phản sắc da.
Bỗng đưa tay giữ cánh tay em :
— Em hãy ngừng cho anh ngắm xem
Mấy cái tóc mai vờn trước trán
Cho vùng trán đẹp, đẹp hơn thêm.

Nàng nụ giăng tay, em bảo : «Thôi !
Cho em soi kính rẽ đường ngôi,
Làm cô gái Huế cho anh ngắm
Tình tứ nhiều hơn món tóc mai.

(Hà-nội báo, số 20, 20-5-36)



Em bị cười

Mơ màng nghe có tiếng người yêu
Réo rất bên hè thòi khúc tiêu,
Nhanh nhẹn tung chăn, em nhồm dậy
Bàng hoàng ngái ngủ, vội em kêu :
— Anh ơi ! Anh đợi tí ! Cho em
Còn sửa sang qua nếp áo xiêm.
Vuốt lại tóc em buông bối rối,
Điêm qua lượt phấn, chút hồng thêm...
Cửa mở. Em tìm chẳng thấy ai
Người yêu em đã phôi xa rồi;
Bên rào còn dề đôi hoa thắm
Hờ hững cười em mê ngủ thôi !

(Hà-nội báo, số 22, 3-6-36)



Em trả thù

— Anh ơi ! Em thích đời thi sĩ
Vui lòng, anh dạy em làm thơ ?
— Em đừng chứng cứ, cười anh bảo,
Thơ thần gì em ? khéo ngần ngại ! . . .
. . . Một nàng tiên nữ đẹp như em,
Là một bài thơ, một quả tim.
Là áng hồng non, là gió lướt,
Là hoa xuân thắm, bóng trắng đêm . . .

... Thi sĩ, em ơi ! đó lại là,
 Người đi theo đôi bóng tiên nga,
 Ước mơ, yêu thích và ca ngợi,
 Những cái mà em đã có thừa !

— Nhưng không, em muốn học làm thơ
 Đề trả thù anh đã hững hờ :
 Rồi phút say sưa anh có lại,
 Hôn em . . . Em sẽ ày anh ra.

Bây giờ, em cũng bảo anh rằng :
 « Em bận làm thơ », anh nhớ chẳng ?
 Hôm nọ, bên anh, em nũng nịu,
 Lạnh lùng anh cứ mãi nhìn trắng.
 (Hà-nội báo, số 17, 29-4-36)



Dương liễu tân thanh

Trần trọng mặc giao hành khách thủ.
 Đoàn trường tình tự kỷ ân cần
 Lê-Bích-Ngô

« Dương liễu mười bài » chép gửi anh.
 Ly hoài ai khéo gợi cho mình.
 Bích ngô âu cũng lòng thôn nữ
 Chung với nghìn xưa một mối tình.

« Bên đường, qua lại bao nhiêu khách ;
 « Riêng bé cảnh xuân đưa tặng nhau.
 « Sung sướng Giang-nam chàng phối ngựa,
 « Tháng ngày bóng liễu rủ tơ sầu . . .

« Lá lướt đời ngày xuân trở lại :
 « Ngày xuân trở lại, hỏi bao ngày !
 « Năm canh lạnh lẽo kinh sương gió,
 « Gửi ngậm tàn xuân hoa rụng đầy . . . »

Nét mực vừa khô, lệ ướt đầm,
 Lỡ xưa thêm gợi mối từ tâm.
 Biệt ly còn bận đời thi-sĩ ;
 Hưởng chốn buống the khách chỉ kim.
 (Phấn hương rừng)



Vì anh Thọ-Xuân

Đề tặng anh Đống-Hồ bộ Việt-Pháp Tự-điền
 Vì ai, để tặng sách cho ai ;
 Rồi lại vì ai cảm tạ người ;
 Bời sợ nhà thơ nghèo đến chữ,
 Yêu nhau, đưa tặng mấy muôn lời.
 Tiếng nhà, của sân kho vô tận,
 Mặc sức tiêu hoang, mặc sức chơi :
 Mua bốn phương trời mây nước đẹp,
 Mua nghìn năm cảnh cỏ hoa tươi.
 Hay còn thừa thái, tiêu chưa hết,
 Mua lấy, trần gian, tiếng khóc cười.
 Trước hết, đã mua rồi một món :
 Thành Phương-hương diễm mỗi tình dài.
 (Phấn hương rừng)



MƯỜI KHÚC ĐOẠN TRƯỜNG :

1. Giá gạo Tràng-an

Nghe nói Tràng-an giá gạo cao
 Đói cơm cửu hạn khát mưa dào
 Bà con ta ở miền Trung Bắc
 Thóc gạo Đồng-nai những ước ao
 Tò quốc băng khuâng hồn nghệ sĩ
 Cô em rủ chị học làm thơ
 Em vui bề mực đàm ngồi thỏ
 Chị mãi rừng văn xây lối mơ
 Cấp báo về đây tự nẻo xa
 Người đang ngoắc ngoài đợi chờ ta
 Vốn nghèo biết giúp gì Em nhỉ
 Ngã mại kỹ văn nhĩ mại hoa

2. Tin miền Bắc

Quốc vận bình minh hàng nắng vàng
 Mừng vui chưa dứt tiếng reo vang
 Xa xăm những đợi tin miền Bắc
 Cơ càn kia đâu tin bom sang
 Khép lòng vui lại dề lo âu
 Đói khát bao nhiêu nỗi thâm sâu
 Trời đất chứa tan màu khói lửa
 Anh em đang gặp cảnh thương đau
 Máu mù tình kia đã bão ta
 Đưa tay nâng đỡ chị em nhà
 Giếng nôi chưa chết lòng chưa chết
 Non nước hồn vang tiếng thiết tha

3. Hồng-hà không phải sông vô định

Con cháu Rồng Tiên họ một nhà
 Ai làm non nước chuyện chia ba
 Cho hồn Tô-quốc băng khuâng lăm
 Tai biến nhìn nhau thêm xót xa

Êm ái Nhà-bè nước chảy hai
 Gạo cơm Càn-đức nước Đồng-nai
 Hồng-hà không phải sông vô định
 Mà vẫn bờ sông xương trắng phơi
 No ấm miền Nam trong lúc này
 Bát cơm bữa bữa được bưng đầy
 Ai ơi nghĩ nhớ người đang đói
 Muỗng cháo cầm hơi đợi phút giây

4. Những linh hồn bơ vơ

Trạm Bắc đưa về tin xót xa
 Lang thang thê thảm kẻ không nhà
 Đồng quê khốn khó tìm ra chợ
 Bồng bề con thơ dặt dứu già

5. Xẻ cháo nhường cơm

Hồng-lạc người chung một giếng nôi
 Có đâu Nam Bắc đất chia hai
 Xót tình máu mủ cơn nguy biến
 Xẻ cháo nhường cơm ai hơi ai
 Máu chảy ruột mềm đau xót lắm
 Rách lành đùm bọc lấy cho nhau
 Trong nhà đang có người kêu đói
 Xẻ cháo nhường cơm mau hãy mau
 Nạn đất tai trời đành đã vậy
 Nhưng mà chị ngã hãy còn em
 Có rồi nhưng cũng chưa là đủ
 Xẻ cháo nhường cơm thêm lại thêm

6. Hấp hối đợi chờ

Tai mới nghe qua lòng thốn thứt
 Xác người xe nhật mỗi ban mai
 Còn bao nhiêu nữa đang quần quại
 Hấp hối chờ cơm hơi mồn hơi
 Gốc rạ cộng rơm vơ mốt sạch
 Dây khoai củ chuối mún cao lương
 Vỏ cây dây lá không còn nữa
 Đất trụi đồng trơ nuốt thâm thương
 Thoi thóp hơi tàn chờ Cứu-tế
 Hết cơm khi đói gói khi no
 Giàu nghèo ai cũng thừa tâm huyết
 Nhiều ít nài chi hãy cứu cho

7. Cắm yên

Vật uống mún ăn đèn đã hết
 Có tiền không gạo biết đâu mua
 Ruộng vườn trống trải đồng không cỏ
 Không vụ chiêm không cả vụ mùa
 Mạ mới gieo xong đã gặt liền
 Mái tranh không sự khỏi vươn lên
 Thử thì bắt tỉ thanh minh tiết
 Đề sự trừ trung đã cắm yên

8. Ai đắp diêm

Làng mạc đìu hiu cảnh nào nùng
 Bờ ao lặng ngắt tiếng côn trùng
 Sân vườn vắng bóng loài gia súc
 Cửa ngõ lều không ôi lạnh lùng
 Nhan nhản ngoài đồng xác chết phơi
 Xôn xao đàn quạ liệng đen trời
 Mùi tanh theo gió bay lan khắp
 Hơi sức ai còn đắp diêm ai

Đồng loại còn thương huống ruột rà
 Bà con nhau đó có ai xa
 Dem lòng ta đói thương người đói
 Thì thấy lòng ta bao thiết tha

9. Đúc chuông

Nhớ chuyện đời xưa lễ đúc chuông
 Xa gần góp lại của thiên muôn
 Có người sốt sáng mua âm đức
 Bạc nén vàng thoi cũng góp luôn
 Lửa đỏ nung tan cả vạc đồng
 Người quặng đôi xuyên kẻ đôi vòng
 Muốn vo quả phúc cho tròn trặn
 Gửi cả vào đây vạ ước mong
 Nay đã gặp rồi mùa Cứu-khổ
 Đúc chuông ngày trước phước về đâu
 Ai ơi hãy nhớ câu nhà Phật
 Một mạng người hơn chín nhíp cầu

10. Nạn đói nước Ngô

Nước Việt ngày xưa muốn phục thù
 Dem toàn lúa hấp trả về Ngô
 Thấy là lúa tốt cho gieo giống
 Năm ấy bên Ngô bị mất mùa
 Nạn đói làm cho bại nước Ngô
 Gương kia còn đề tự bao giờ
 Nay không hấp giống cho mùa mất
 Đốt thóc thay vì đốt củi khô
 Giặc đói xâm lăng đất nước mình
 Hết cơm cứu đói : đạo tình binh
 Ngày đêm hãy gặp đường ra Bắc
 Tiếng khai triển vang khúc thái bình
 Mười khúc đoạn trường
 (mùa đói năm 1945)

Tương tư lá đỏ

Tặng văn điệp thượng đề hồng oản,
Điệp thượng đề thi ký dữ thù.

(Nghe trên lá đỏ đề thơ oản,
Lá đỏ đề thơ biết gửi ai?)
Cổ thi

Còn nhớ nghìn năm Tàu thưở trước

Đề thơ trên lá đỏ tương tư.

Sáng nay muốn gửi thơ theo lá,

Đợi mãi! Thu về, lá chẳng khô.

Dành phải đề thơ trên lá xanh,

Xanh hay hồng lá vẫn đa tình.

Nhưng không phải lá trôi dòng Ngự,

Lá chẳng hồng nên chẳng mới manh.

Lá nói gì đây? — Chỉ lá thôi!

Xanh xanh tờ lá vẫn xanh hoài,

Tương tư vẫn một màu Mơ-ước

Lá đỏ đề thơ thả nước trôi.

(Ảnh sáng vàn chương, số 153, 6-9-1948)



Nguyên tiêu tương tư

Gương ngọc thiên kim giá đôi vừa,

Khuôn duyên tròn một quả đèn đưa.

Ngồi đây mà nhớ trắng phương đó,

Đọc trắng đêm rằm chuyện Ái-cơ.

(1963)



BỐN BỨC TRANH XUÂN :

1. Chiếc áo tết

Náo nức tin xuân đến.

Năm tàn, đám nghĩ kim,

May nhanh chiếc áo tết,

Hí hờn mặc chàng xem.

2. Bước tình sương

Bên đường hoa cỏ lạnh,

Ngần ngại bước tình sương.

Một tấm lòng băng muốt

Xuân ngậm ý yêu đương.

3. Hoa bất tuyệt

Giữa đám um tùm lá,

Hoa xuân rụng hết rồi.

Trên cành, hoa bất tuyệt

Vẫn nở : nụ cười ai?

4. Nón Gò-găng

Cô gái quê thành Trúc

Lâm cô gái Qui-nhơn.

Mơ màng xuân nghĩ nhớ

Sự nghiệp người Tây-sơn.

(Mộng-Tuyết, Thất-tiều-muội)



Dưới cờ

Kết chặt hàng đi dưới bóng cờ,

Trời Nam giành lại nước non xưa,

Tung bừng vận mới hồn trai trẻ

Một khối nghìn thu vững cõi bờ.

Lửa đỏ ấm vui lòng cổ quốc,
 Nắng vàng hanh rạng cảnh biên thù,
 Phong yên ngút dậy màu quan tái,
 Gió động xôn xao lá Quốc-kỳ.
 Nói rộng rồi đây mặt biển trời,
 Con thuyền Tổ-quốc sắp ra khơi,
 Một đoàn thủy thủ reo hăng hái.
 Khúc hát bình minh mở cuộc đời.

23-8-45



Chiếc Lá Thị-thành

Đây một tờ thư của Thị-thành
 Tha về thăm hỏi Chiến-khu xanh
 Hỏi anh chiến sĩ mùa thu trước
 Hơn một mùa thu, bận chiến tranh.
 Lắm liệt rừng thu gió tái về
 Bao tờ lá đỏ chiến công ghi
 Bao tờ lá đỏ đề lời máu :
 « Thề quyết thành công một chuyến đi ! »

Đất nước từ khi dấy lửa binh
 Hôi tanh vẫn đục bụi kinh thành
 Thơm tho đâu nữa làn son phấn
 Máy dệt hoa Quỳnh khép Ý trình.

Thu 1947



Em xấu hổ

Nhớ chuyện đêm qua còn thẹn thùng ;
 Mặt hồ phẳng lặng ánh trắng trong,
 Bóng trắng cùng với em đang tắm,
 Làn nước vờn da em lạnh lùng.

Giấu trúc bờ bên, gió phất phơ,
 Bỗng nghe tiếng hát vắng bay qua.
 Giật mình ngo ngác nhìn... Em thấy
 Sau trúc, trời ơi ! anh bước ra.

Quàng vội khăn bông em chạy vào.
 Ngần ngo anh hỏi :

— Đã làm sao ?

— Không làm sao cả, nhưng em thấy
 Thẹn thẹn lòng em nó thế nào !...

(Hà-nội báo, số 18, 6-5-1936)



Chữ Thập hồng

Có những bàn tay đẹp dịu dàng,
 Bàn tay không vướng nét kiêu sang,
 Cũng không tô chuốt màu hồng hạnh.
 Mà vẫn hồng tươi vãn nhẹ nhàng.

Bao nỗi niềm riêng đành phôi bỏ
 Nhưng bàn tay ấy quyết đeo mang
 Dem bao êm dịu cho đau đớn
 Hàn vá lành cho những vết thương.

Là ngọc ngà đem giữa chiến tràng,
 Là ngà ngọc diềm khi hiến ngang
 Là ngà ngọc kết nên đôi nét
 Chữ Thập hồng tươi ánh nắng vàng.

Đây một trời thương phủ chiến công,
 Nơi đây ve vuốt chí anh hùng,
 Nơi đây an ủi hồn chinh khách,
 Trên cánh tay in chữ Thập hồng.

